

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 87/2021/DS-ST.

Ngày: 28/12/2021.

V/v: “T/c hợp đồng mua bán tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Thái.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:*
Không.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 204/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2021/QĐXXST-DS ngày 15/12/2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: - Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1964 (vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Kinh 4, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1966 (có mặt).

2/ Bị đơn: Bà **Phạm Thị D**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đường Thét, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI D VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2021, quá trình làm việc tại tòa án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim H trình bày như sau:*

Do chỗ quen biết nên thời gian trước đây bà Phạm Thị D có đến Cửa hàng nông nghiệp Thành S do chồng tôi là ông Trần Văn S làm đại diện mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) nhiều lần để phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp trong gia đình. Khi bán vật tư nông nghiệp chúng tôi có sổ sách ghi chép công nợ. Đến ngày 31/3/2020 chúng tôi với bà Phạm Thị D tiến hành đối chiếu công nợ quá trình mua bán vật tư nông nghiệp thì bà D còn nợ chúng tôi tổng số tiền là 227.000.000 đồng. Sau khi kết thúc công nợ thì chúng tôi có đòi nợ nhiều lần nhưng bà D cam kết trả nợ trên cho chúng tôi nhưng vẫn không thực hiện.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu bà Phạm Thị D phải trả cho vợ chồng bà số tiền còn nợ mua phân bón, thuốc trừ sâu tổng cộng số tiền gốc và lãi là 302.364.000 đồng (gốc 227.000.000 đồng, tiền lãi 75.364.000 đồng). Cụ thể số tiền lãi tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày 27/12/2021 là 20 tháng 27 ngày (làm tròn 20 tháng) như sau: $227.000.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 75.364.000 \text{ đồng}$. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị D trình bày như sau:*

Tôi thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp (phân bón và thuốc trừ sâu) tại Cửa hàng nông nghiệp Thành S để sản xuất nông nghiệp trong gia đình. Đến ngày 31/3/2020 tôi cùng vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim H, ông Trần Văn S tiến hành đối chiếu công nợ quá trình mua bán vật tư nông nghiệp thì tôi còn nợ bà H, ông S tổng số tiền là 227.000.000 đồng. Sau khi kết thúc công nợ thì do tôi làm ăn thua lỗ nên mặc dù có cam kết trả nợ trên cho bà H, ông S nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên tôi không thực hiện được.

Nay ông S, bà H yêu cầu tôi trả số nợ tiền nợ mua phân bón, thuốc trừ sâu tổng cộng là 302.364.000 đồng (trong đó tiền gốc 227.000.000 đồng, tiền lãi 75.364.000

đồng) thì tôi cũng đồng ý trả số tiền này. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên tôi xin được trả số tiền gốc là 227.000.000 đồng, đối với số tiền lãi thì tôi yêu cầu vợ chồng ông S và bà H cho tôi được miễn. Đối với số tiền gốc nêu trên thì tôi xin trả dần trong vòng 02 năm, mỗi vụ lúa tôi sẽ trả số tiền là 50.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ gốc nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị D phải trả cho ông bà số tiền thiếu nợ mua bán vật tư nông nghiệp là 302.364.000 đồng. Bà Phạm Thị D cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội D vụ án:* Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định như sau: Trước đây bà Phạm Thị D nhiều lần mua thiếu phân bón và thuốc trừ sâu tại cửa vật tư nông nghiệp Thanh S do ông Trần Văn S làm chủ nhiều lần để về sản xuất nông nghiệp trong gia đình. Đến ngày 31/3/2020 hai bên kết nợ với nhau, theo đó bà D còn nợ phía ông S và bà H số tiền gốc là 227.000.000 đồng. Tại các bản khai và tại phiên tòa bà D thừa nhận còn nợ phía ông S và bà H số tiền gốc mua vật tư nông nghiệp nêu trên, nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu bà Phạm Thị D phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền mua bán phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ tổng cộng là 302.364.000 đồng, trong đó tiền gốc là 227.000.000 đồng và tiền lãi là 75.364.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc mua bán hàng hóa giữa các bên được xác lập bằng miệng, nhưng có kết nợ bằng văn bản, bên

bán là ông S, bà H đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng, bên mua bà D đã nhận hàng nhưng chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán...”*.

Đồng thời, tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả tiền: *“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng...3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”*.

Đối chiếu với các quy định trên cho thấy việc ông S, bà H yêu cầu bà D phải trả cho ông S, bà H số tiền mua bán còn nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất là 1,66%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy: Hai bên kết nợ với nhau vào ngày 31/3/2020, bà D hẹn sẽ thanh toán hết số nợ trên nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán số tiền gốc và lãi. Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp và có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay phía bà D đồng ý trả số nợ trên cho ông S, bà H Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên bà D xin được trả số tiền gốc là 227.000.000 đồng, đối với số tiền lãi thì bà yêu cầu cho bà được miễn số tiền lãi này. Đối với số tiền gốc bà D xin được trả dần số tiền này trong thời hạn 02 năm cho đến khi hết số nợ trên. Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định *“...Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành ...”*. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn không đồng ý cho phía bị đơn trả dần số tiền nợ này. Do đó HĐXX miễn xét.

Từ những nhận định và viện dẫn nêu trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phạm Thị D phải trả cho ông Trần Văn S

và bà Nguyễn Thị Kim H số tiền mua bán còn nợ tổng cộng là 302.364.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 227.000.000 đồng và tiền lãi là 75.364.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Nguyên đơn không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Kim H. Buộc bà Phạm Thị D phải trả cho ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Kim H số tiền mua bán còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 302.364.000 đồng (Ba trăm linh hai triệu, ba trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.118.000 đồng (Mười lăm triệu, một trăm mười tám ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.994.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001368 ngày 02/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn An